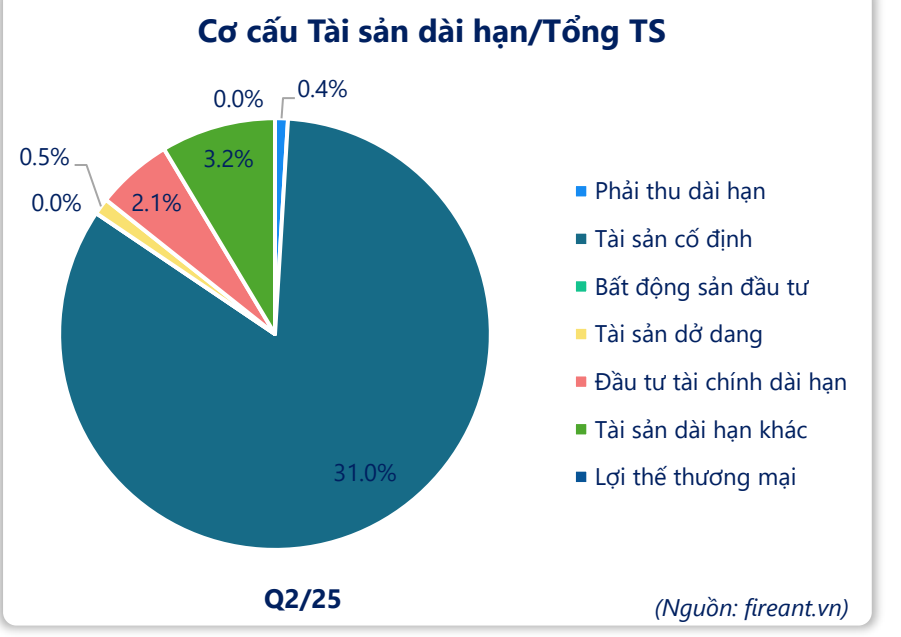
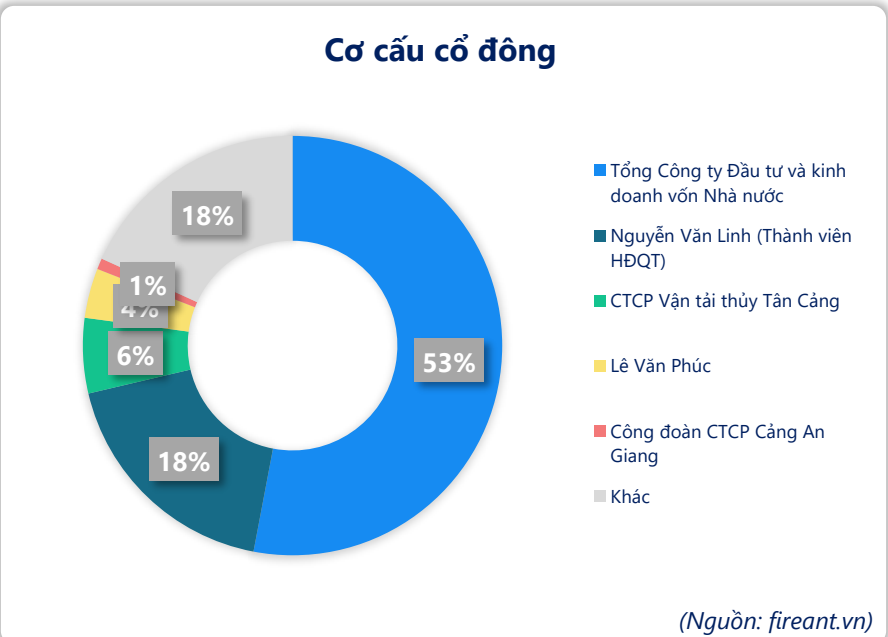
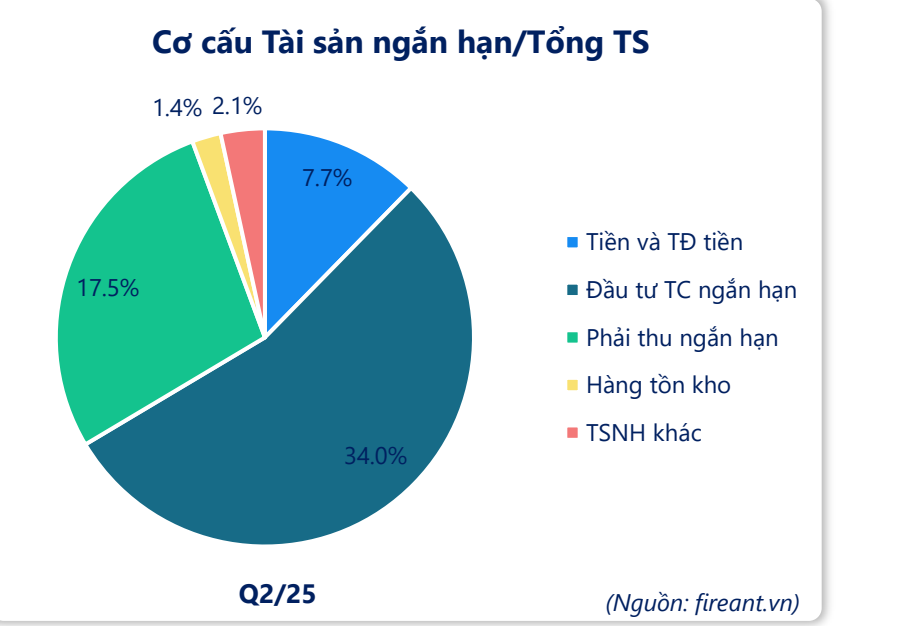
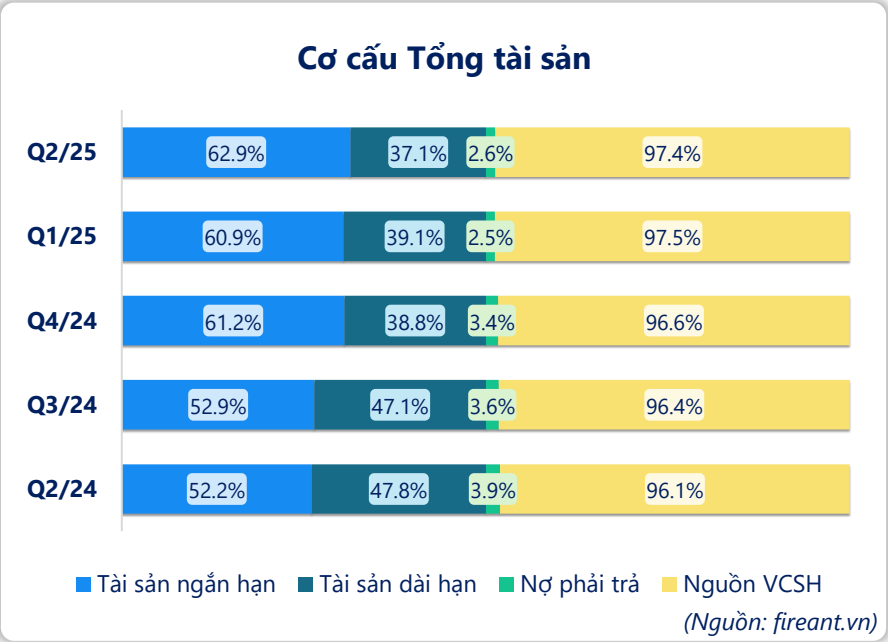
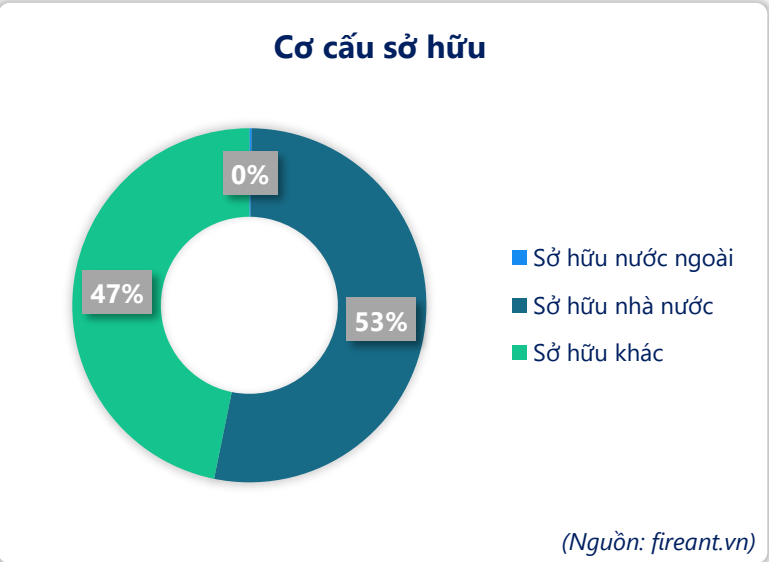
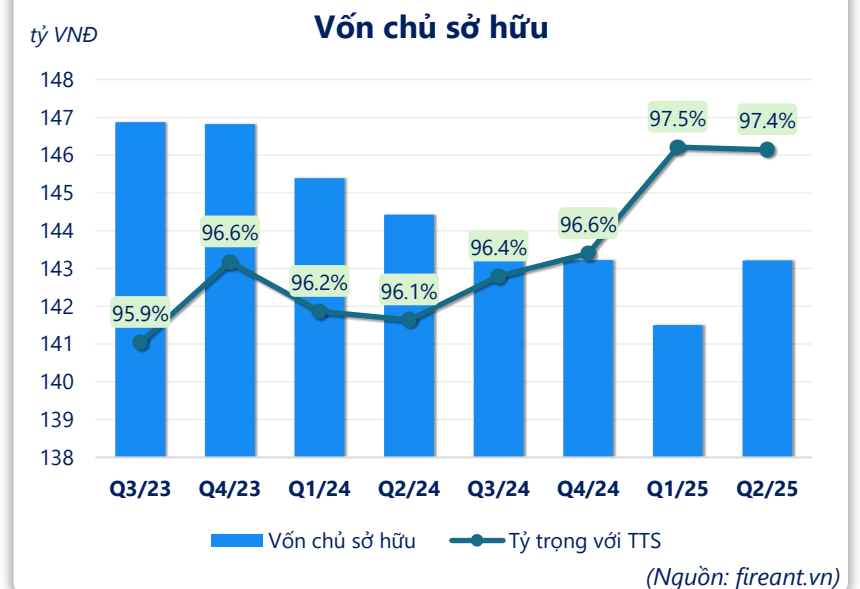
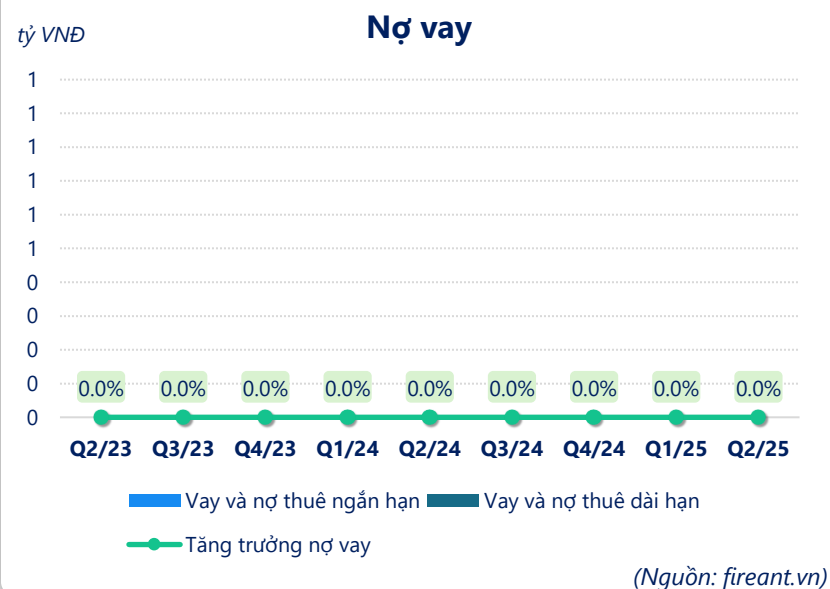
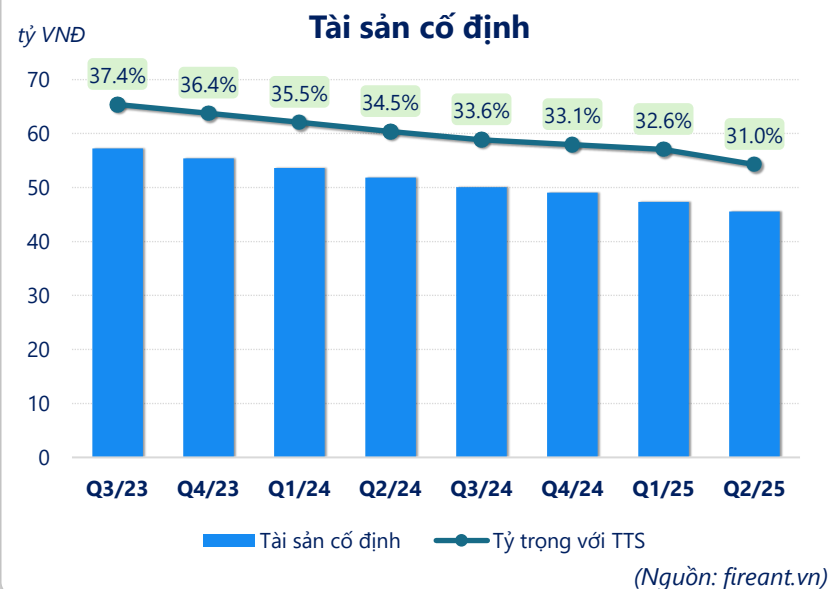
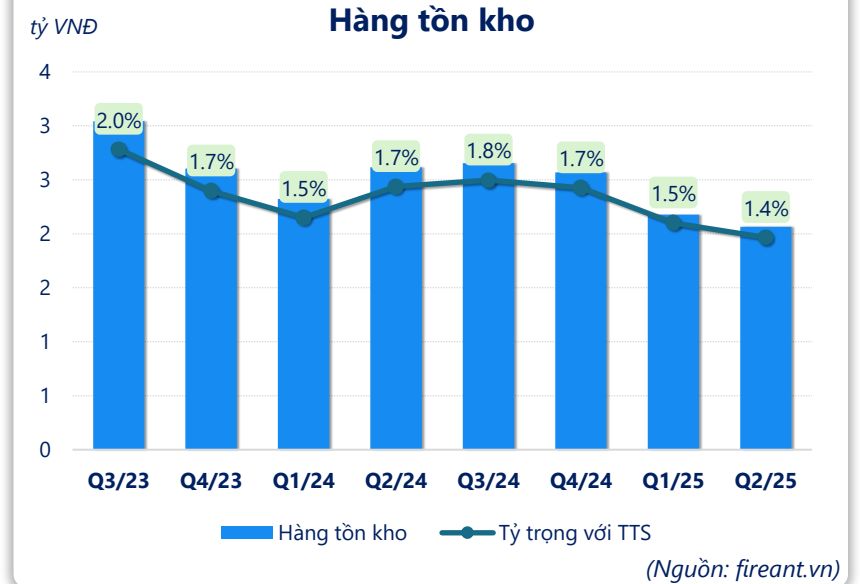
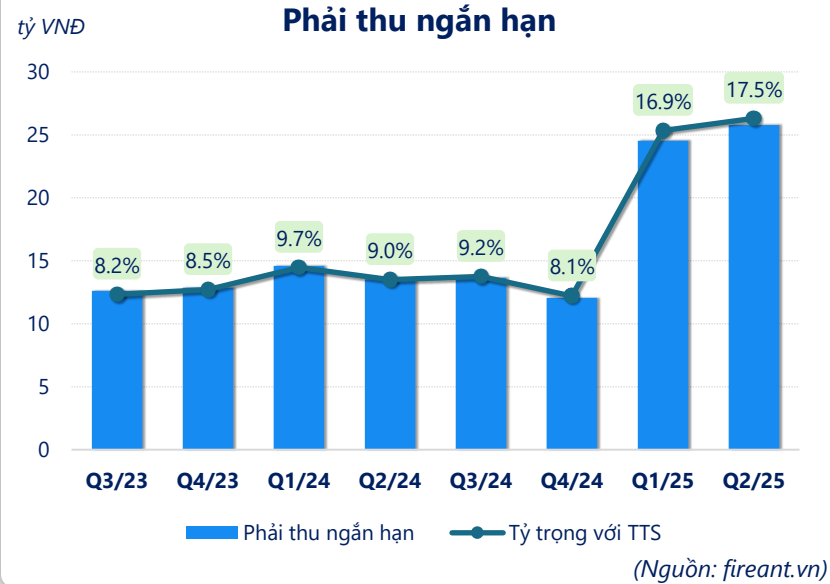
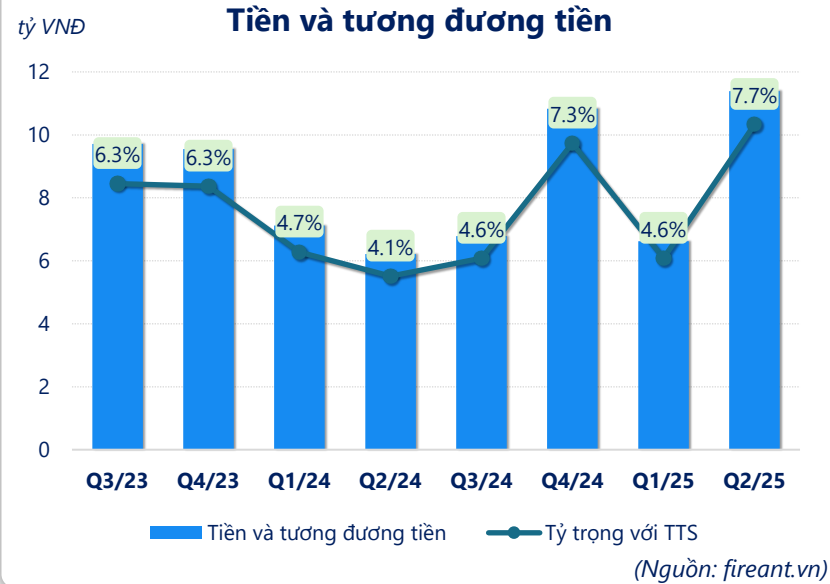
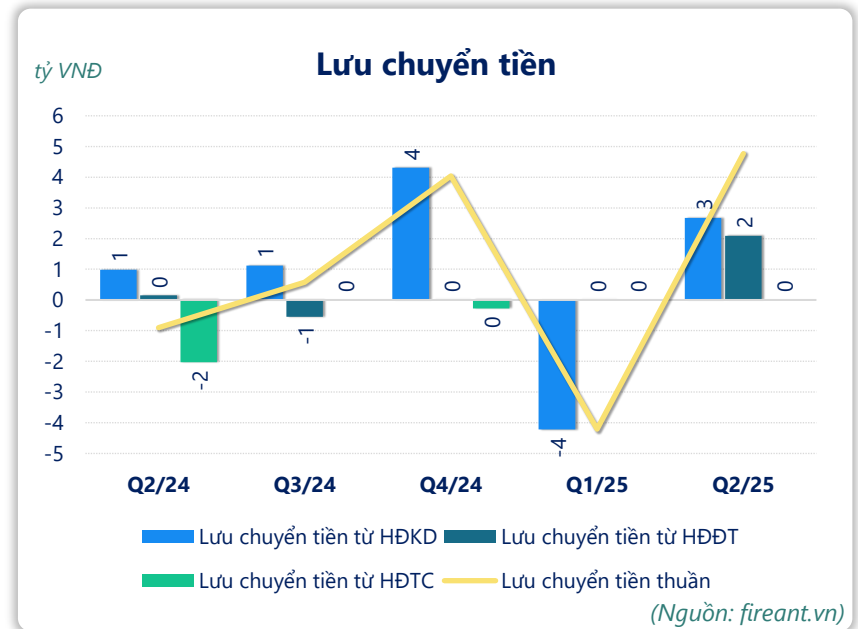
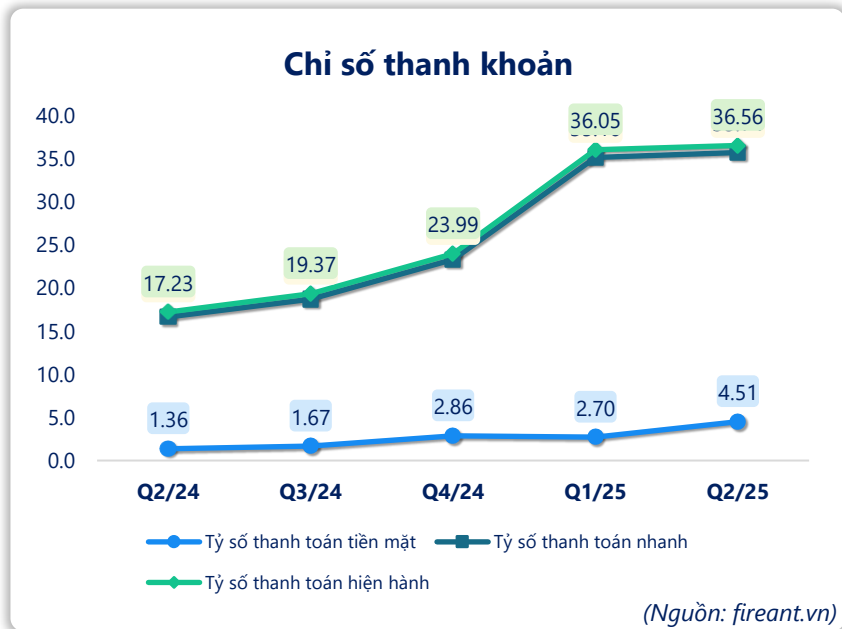
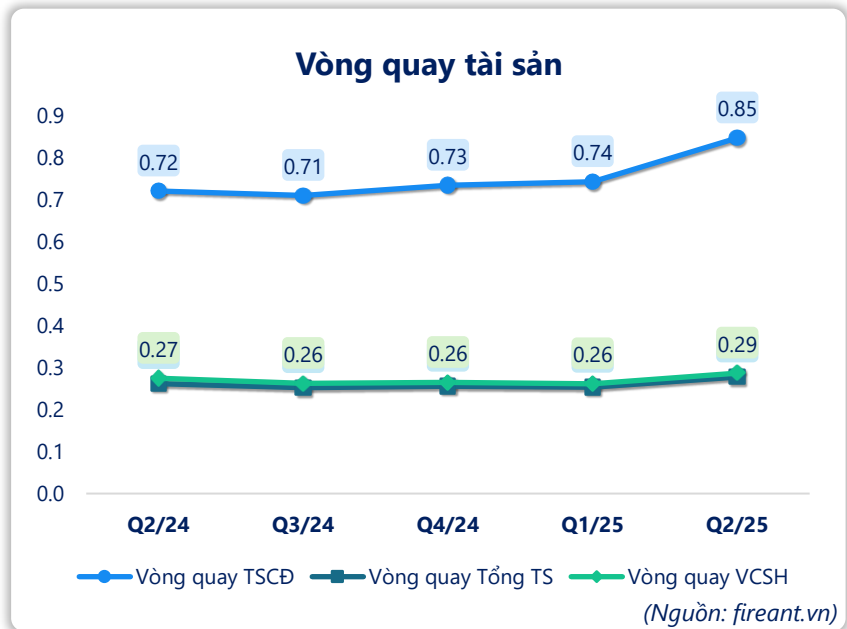
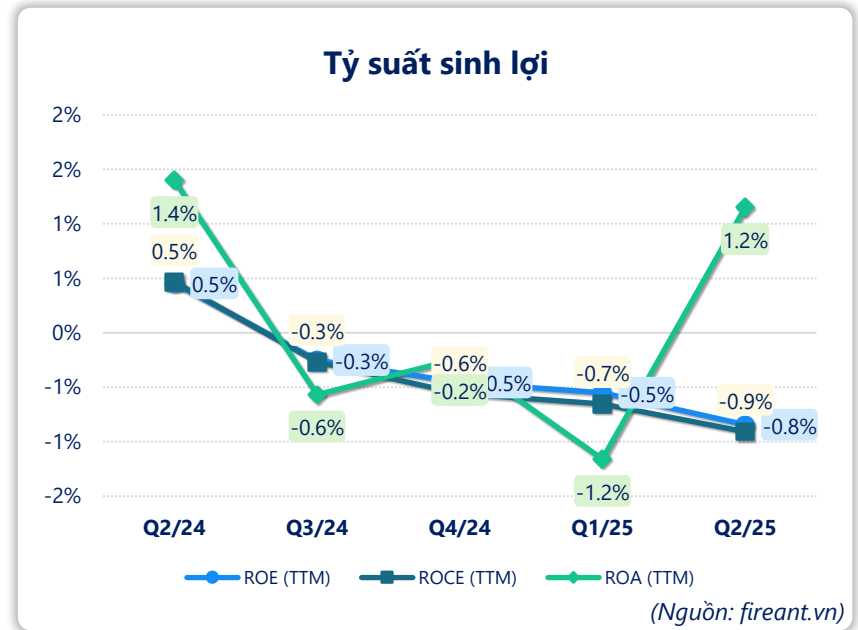
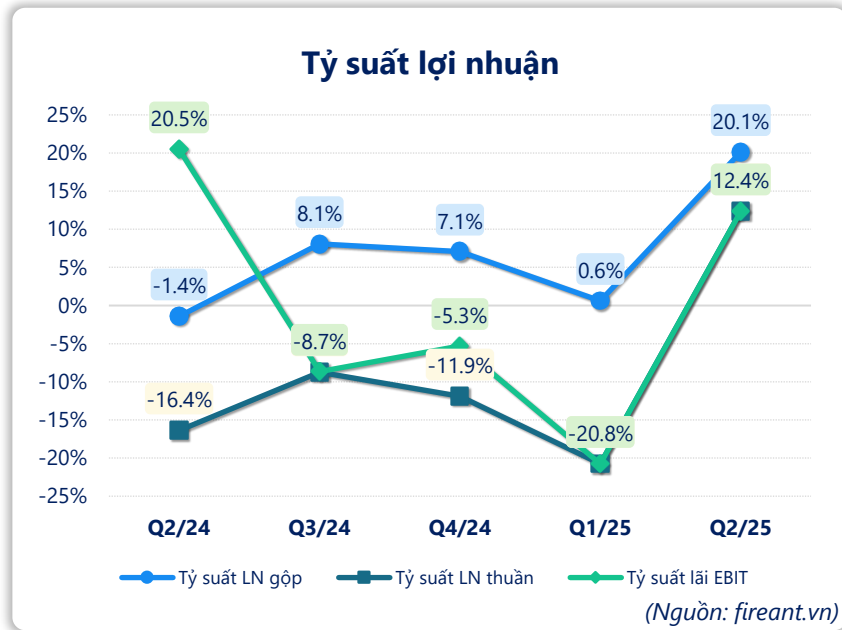
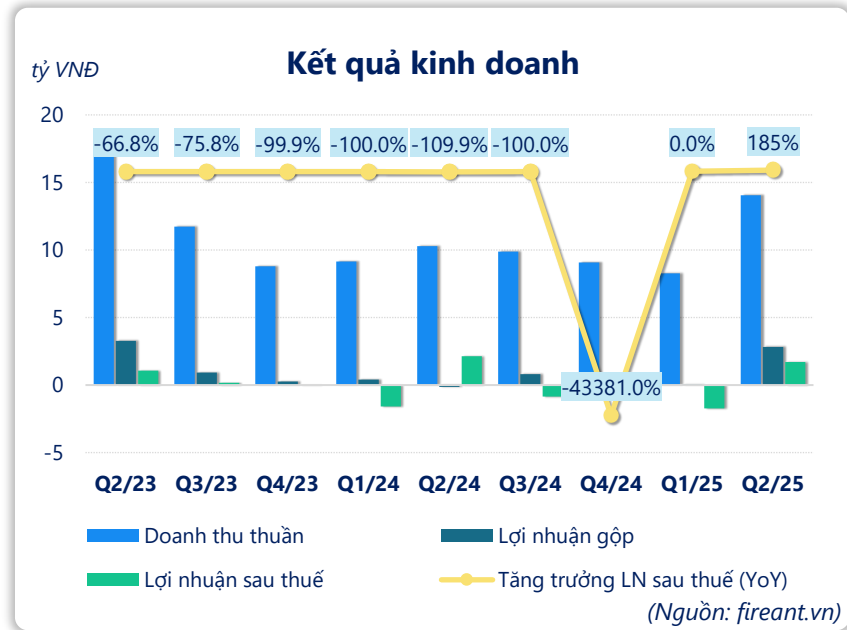


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,600
SL cổ phiếu LH		13,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,890
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		102
P/E		-84.2
EPS		-88

	YTD	1T	3T	6T
CAG	-2.6%	-5.1%	-11.9%	-6.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	147	148	-0.8%
Tài sản ngắn hạn	92.4	90.6	1.9%
Tiền và tương đương tiền	11.4	10.8	5.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	52.0	-3.8%
Phải thu ngắn hạn	25.8	21.9	17.5%
Hàng tồn kho	2.06	2.57	-19.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.15	3.30	-4.5%
Tài sản dài hạn	54.6	57.5	-5.0%
Phải thu dài hạn	0.53	0.53	0.0%
Tài sản cố định	45.6	49.1	-7.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.67	0.64	4.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.12	3.12	0.0%
Tài sản dài hạn khác	4.69	4.11	14.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.76	4.90	-23.3%
Nợ ngắn hạn	2.53	3.67	-31.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.43	0.20	113%
Nợ dài hạn	1.23	1.23	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	143	143	0.0%
Vốn chủ sở hữu	143	143	0.0%
Vốn điều lệ	138	138	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	10.3	9.88	9.08	8.27	14.0
Giá vốn hàng bán	10.4	9.08	8.43	8.22	11.2
Lợi nhuận gộp	-0.15	0.80	0.64	0.05	2.83
Doanh thu HĐTC	0.77	0.69	0.68	0.66	0.70
Chi phí TC	0	0	0.05	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.31	0.32	0.29	0.23	0.19
Chi phí QLDN	2.00	2.04	2.05	2.20	1.60
LN thuần từ HĐKD	-1.68	-0.86	-1.08	-1.72	1.74
Lợi nhuận khác	3.79	0.01	0.60	0.00	0.00
LN trước thuế	2.11	-0.86	-0.48	-1.72	1.73
Lợi nhuận sau thuế	2.13	-0.86	-0.35	-1.72	1.71
LNST của CĐ cty mẹ	2.13	-0.86	-0.35	-1.72	1.71

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.98	1.12	4.31	-4.22	2.68
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.15	-0.55	0.00	0.01	2.09
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.03	0	-0.28	0	0
Tiền đầu kỳ	7.12	6.21	6.79	10.8	6.62
Lưu chuyển tiền thuần	-0.91	0.57	4.04	-4.21	4.77
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	6.21	6.79	10.8	6.62	11.4

(Nguồn: fireant.vn)